

Bản án số: 01/2018/DS-ST

Ngày: 30-5- 2018

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự cho  
vay tiền và yêu cầu phản tố đòi lại  
tiền nợ.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH-TỈNH GIA LAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bảo

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Lan;  
2. Ông Trịnh Văn Nguyên .

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh tham gia phiên tòa:*** Bà Tô Hải Yên - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dân sự cho vay tiền và yêu cầu phản tố trả lại tiền nợ, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXX-DS ngày 06 tháng 04 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-DS ngày 04/5/2018, giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961

*Địa chỉ cư trú:* Thôn 1, xã Ia Ka, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* ông Lê Đình Q – sinh năm 1950. Địa chỉ: 51 A Vạn Kiếp, phường Thống Nhất, thành phố Plei Ku, tỉnh Gia Lai. (Giấy ủy quyền ngày 09/10/2017) (có mặt).

2.*Bị đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1962

*Địa chỉ cư trú:* Thôn 1, xã Ia Nhin, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. (có mặt)

3.*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

-Ông Nguyễn Văn L – sinh 1986 (có mặt)

-Bà Phạm Thị Đ – sinh năm 1985 (vắng mặt)

*Cùng địa chỉ:* thôn 01, xã Ia Ka, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

4. *Người làm chứng:* Chị Trần Thị Th H – sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Khu tập thể UBND xã Ia Ka, huyện Chư Păh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 13/6/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/10/2017, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Ông Lê Đình Q - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày :*

Ngày 06/8/2016, con bà Nguyễn Thị N là Nguyễn Văn L có vay của ông Trần Văn H số tiền là 590.000.000 đồng (năm trăm chín mươi triệu đồng), có hạn 10 ngày sẽ trả nhưng sau đó không có trả, đến tháng 9/2016 ông H buộc anh Nguyễn Văn L và chị Phạm Thị Đ phải bán căn nhà cho ông H để trừ nợ, căn nhà này vợ chồng bà N đã tặng cho con trai là Nguyễn Văn L cùng con dâu Phạm Thị Đ. Khi đó ông H đã đồng ý mua với giá 950.000.000 đồng, anh L, chị Đ đồng ý bán cho ông H. Ngày 24/10/2016 hai bên thỏa thuận giao tiền thì ông H trừ số tiền L vay của ông H 590.000.000 đồng còn lại số tiền 360.000.000 đồng ông H hẹn khi nào thủ tục sang nhượng xong sẽ trả cho anh L, chị Đ. Do căn nhà này là của bà N, ông V (cha mẹ anh L) tặng cho anh L, chị Đ nên anh L, bà N, ông H thỏa thuận số tiền còn lại ông H phải trả cho bà N nên lập Hợp đồng vay tiền với nội dung ông H có vay của bà N 360.000.000 đồng (*ba trăm sáu mươi triệu đồng*) và hạn đến ngày 26/10/2016 ông H sẽ trả đủ cho bà N, nhưng đến hạn ông H không trả, bà N làm đơn lên UBND xã Ia Ka giải quyết, khi đó tại UBND xã Ia Ka ông H hẹn đến ngày 14/11/2016 sẽ trả, bà N đồng ý và có sự chứng kiến của cô Trần Thị Th H là cán bộ Tư pháp của UBND xã Ia Ka. Sau thời hạn trên ông H không chịu trả nên bà N khởi kiện yêu cầu ông H phải trả cho bà N số tiền gốc đã vay là 360.000.000đ và không yêu cầu tính lãi. Qua quá trình hòa giải do ông H không đồng ý trả nợ, ngày 24/10/2017, bà N khởi kiện bổ sung yêu cầu ông Trần Văn H phải trả thêm cho bà N số tiền lãi chậm trả của khoản nợ 360.000.000 đồng theo quy định pháp luật. Tạm tính số tiền lãi đến ngày 24/10/2017 là 38.880.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn đã xin rút yêu cầu khởi kiện về lãi suất từ 38.880.000 đồng **xuống còn 30.510.000** đồng theo đúng quy định pháp luật.

Còn về số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) bà N có vay của ông H vào ngày 27/9/2016, ông H có yêu cầu phản tố thì bà N đồng ý sẽ trả đầy đủ cho ông H nhưng với điều kiện khi nào ông H trả đủ số tiền ông H nợ của bà N là 360.000.000 đồng (*ba trăm sáu mươi triệu đồng*) và lãi suất theo quy định pháp luật thì bà N mới có tiền trả cho ông H. Bà N đồng ý việc ông H không yêu cầu trả lãi.

Việc sang nhượng nhà đất giữa anh L, chị Đ với ông H là do hai bên tự thỏa thuận và mua bán với nhau, hợp đồng chuyển nhượng đã có hiệu lực, ông H đã làm thủ tục sang tên sở hữu tài sản rồi, hiện nay ông H cũng đã sang nhượng nhà đất trên cho vợ chồng ông Huỳnh Ngọc B và bà Lê Thị Ph L rồi, bà N không có liên quan và yêu cầu gì về căn nhà và đất mà anh L, chị Đ đã sang nhượng cho ông H.

***Trong đơn yêu cầu phản tố ngày 06/10/2017, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn*** ông Trần Văn H trình bày :

Về hợp đồng vay tiền vào ngày 24/10/2016, trong đó ông H có vay của bà N 360.000.000đ (*ba trăm sáu mươi triệu đồng*), hẹn ba ngày sau sẽ trả, sau đó hai bên có đến UBND xã Ia Ka, huyện Chư Păh để thỏa thuận kéo dài thời gian trả nợ đến ngày 14/11/2016. Thực chất ông H và bà N lập hợp đồng này nhằm mục đích đảm bảo cho khoản tiền mà bà N và anh L đã vay của ông H trước đó, cụ thể: anh L vay 590.000.000đ (*năm trăm chín mươi triệu đồng*) để đáo hạn ngân hàng, Bà N vay 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) để chữa bệnh cho chồng, tổng số tiền trên là 610.000.000đ (*sáu trăm mười triệu đồng*). Nhưng sau khi bà N và anh L vay xong, hai người có ý định bỏ trốn nên ông H đã buộc anh L và chị Đ (*là con ruột và con dâu bà N*) phải sang nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở trên đất tại Giấy chứng nhận số CD 615056 do UBND huyện Chư Păh cấp ngày 8/8/2016 cho vợ chồng ông H. Ông H đồng ý sẽ giữ căn nhà và đất đó cho đến khi nào anh L và bà N trả đủ số tiền đã vay cho ông H thì ông H sẽ trả lại căn nhà và đất cho anh L chị Đ, ngược lại để tránh trường hợp giá đất có thể tăng và ông H không chịu trả lại nhà cho anh L chị Đ nên bà N yêu cầu ông H ký vào hợp đồng vay số tiền 360.000.000đ (*ba trăm sáu mươi triệu đồng*) để đảm bảo. Nếu sau này bà N anh L trả đủ số tiền 610.000.000đ (*sáu trăm mười triệu đồng*) cho ông H mà ông H không trả nhà, thì ông H phải chịu trả cho bà N số tiền 360.000.000đ (*ba trăm sáu mươi triệu đồng*).

Nay bà N khởi kiện buộc ông H phải trả lại số tiền 360.000.000đ (*ba trăm sáu mươi triệu đồng*) và số tiền lãi kể từ ngày 24/10/2016 là 30.510.000 đồng thì ông H không đồng ý trả lại số tiền trên cho bà N, vì bản thân ông H vẫn giữ đúng cam kết là nếu bà N và anh L trả đủ số tiền 610.000.000đ (*sáu trăm mười triệu đồng*) cho ông H thì ông H sẽ có trách nhiệm làm thủ tục trả lại đất và nhà cho anh L, chị Đ. Còn việc căn nhà đó hiện nay đứng tên ai ông H có trách nhiệm làm thủ tục sang tên chính chủ theo yêu cầu của anh L, chị Đ.

Ông H có đơn phản tố yêu cầu bà N phải trả số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) mà bà N đã vay. Ông H không yêu cầu bà N trả lãi.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan :** anh Nguyễn Văn L và chị Phạm Thị Đ cùng trình bày : Anh L thừa nhận có vay của ông Trần Văn H số tiền là 590.000.000 đồng (*năm trăm chín mươi triệu đồng*) và hẹn 10 ngày sẽ trả lại cho ông H nhưng sau đó anh L không có tiền trả, đến tháng 9/2016 ông H buộc anh L và chị Đ phải bán căn nhà cho ông H để trừ nợ, căn nhà này vợ chồng anh L, chị Đ mới được bố mẹ anh L tặng cho. Khi đó theo giá thị trường giá bán của căn nhà là 01 tỷ đồng, ông H trả 950.000.000 đồng, anh L, chị Đ đồng ý bán cho ông H. Ngày 24/10/2016 hai bên thỏa thuận giao tiền thì ông H trừ số tiền anh L vay của ông H là 590.000.000 đồng còn lại số tiền 360.000.000 đồng thì ông H không có tiền trả nên ông H thỏa thuận lập Hợp đồng vay tiền với bà Nguyễn Thị N (mẹ anh L), coi như ông H còn nợ bà N 360.000.000 đồng (*ba trăm sáu mươi triệu đồng*) và hẹn đến ngày 26/10/2016 ông sẽ trả đủ cho bà N, nhưng đến hạn ông H không trả, bà N làm đơn lên UBND xã Ia K, huyện Chư Păh giải quyết, khi đó tại UBND xã Ia K ông H hẹn đến ngày 14/11/2016 sẽ trả, bà N đồng ý và có sự chứng kiến của cô Trần Thị Th H là cán bộ Tư pháp của UBND xã Ia K. Từ đó đến nay bà N luôn yêu cầu nhưng ông H không chịu trả. Số tiền 590.000.000đ (*Năm trăm chín mươi*

triệu đồng) anh L vay của ông H thì vợ chồng anh L, chị Đ đã sang nhượng căn nhà theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 615056 do UBND huyện Chư Păh cấp ngày 8/8/2016 cho ông H để trừ nợ rồi, anh L, chị Đ không có yêu cầu ông H trả lại nhà. Khi mua bán hai bên đã thống nhất giá cả theo giá thị trường rồi, nếu lúc đó ông H không mua thì anh L, chị Đ bán nhà cho người khác lấy tiền trả cho ông H, đằng này ông H đã đồng ý giá và cần trừ nợ cho anh L, chị Đ rồi, vợ chồng anh L, chị Đ đã ký hợp đồng, thực hiện các thủ tục sang tên sở hữu cho ông H rồi, vợ chồng anh L, chị Đ đã giao căn nhà cho ông H từ tháng 10/2016 đến nay rồi. Anh L, chị Đ không còn nợ ông H bất cứ khoản tiền nào nữa. Anh L, chị Đ không có nhu cầu mua lại căn nhà đã bán cho ông H.

Hiện nay căn nhà ông H mua của anh L, chị Đ thì ông H đã sang nhượng lại cho người khác rồi nhưng ông H cũng không chịu trả tiền cho bà N. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Việc ông H cho rằng hợp đồng vay tiền của bà N cũng như việc sang nhượng nhà đất của vợ chồng anh L, chị Đ là hình thức để ông H giữ tài sản bảo đảm để anh L và bà N trả món nợ số tiền 610 triệu đồng cho ông H là không đúng, nếu ông muốn giữ tài sản đó thì ông H chỉ giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà đất của vợ chồng anh L, chị Đ là đủ rồi, vì khi đó vợ chồng anh L đã đưa bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của căn nhà trên cho ông H giữ rồi, anh L, chị Đ cũng không có ép buộc, lừa dối gì. Việc mua nhà là do ông H tự nguyện trả giá theo giá thị trường lúc đó. Việc mua bán cũng như viết hợp đồng vay tiền đối với bà N đều trên tinh thần tự nguyện, tự thỏa thuận với nhau chứ không ai có hành động gì ép buộc.

Anh L, chị Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người làm chứng- Chị Trần Thị Th H trình bày: Khi hợp đồng vay tiền giữa ông H với bà N không thực hiện đúng cam kết, bà N có làm đơn đề nghị UBND xã Ia Ka, tại buổi làm việc với hai bên thì ông H và bà N đã tự nguyện thỏa thuận gia hạn thời gian trả nợ cho ông H. Chị H thấy việc ký hợp đồng vay tiền hai bên hoàn toàn tự nguyện không ai lừa dối, ép buộc ai. Ông H cũng không có ý kiến gì về hợp đồng vay tiền đó là hợp đồng không hay có điều kiện gì. Hợp đồng đó hợp pháp, không vi phạm gì nên UBND xã Ia Ka không can thiệp, chị H ký với tư cách người làm chứng cho hai bên.

**Ý kiến, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh về quá trình giải quyết vụ án:**

#### **I. VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG**

1. Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

*\* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án quy định tại các Điều 26, 35, 39, 68, 93, 94, 95, 96, 97, 195, 196, 203, 220 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

*\* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

## **II. Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**

Căn cứ theo quy định tại Điều 286, 290, 474, 305 BLDS năm 2005;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N buộc ông Trần Văn H trả cho bà N số tiền 360.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi chậm trả kể từ ngày 15/11/2016 đến ngày 24/10/2017.

Căn cứ theo quy định tại Điều 290, 474 BLDS năm 2005;

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn H buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông H số tiền 20.000.000 đồng .

- Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Buộc ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về áp dụng pháp luật: Theo hợp đồng cho vay tiền ngày 24/10/2016, với số tiền 360.000.000đ (*ba trăm sáu mươi triệu đồng*), thời hạn trả nợ theo ghi chú sau hợp đồng gia hạn đến ngày 14/11/2016, thì bên vay có nghĩa vụ trả hết số tiền nợ cho bên cho vay, hợp đồng vay tiền không có lãi suất, bên cho vay ký ghi rõ họ tên là Nguyễn Thị N, bên vay tiền ký, ghi tên là H. Do đến hạn bên vay không trả tiền nên bên cho vay khởi kiện yêu cầu buộc bên vay phải trả số tiền gốc vay là 360.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 24/10/2017 là 38.880.000 đồng.

Căn cứ quy định tại **Điều 471, Điều 474** của Bộ luật dân sự năm 2005; **Điều 463, Điều 466** Bộ Luật dân sự năm 2015 về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Bị đơn cư trú, sinh sống tại huyện Chư Păh. Theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 và Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Chư Păh. Hình thức, nội dung khởi kiện phù hợp theo quy định nên bà Nguyễn Thị N khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn

Về số tiền vay: Căn cứ theo hợp đồng vay tiền ngày 24/10/2016 được hai bên ký kết và thỏa thuận gia hạn thời hạn trả nợ đến ngày 14/11/2016, có người làm chứng là bà Trần Thị Th H thì hai bên đều hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị lừa dối, ép buộc, không trái đạo đức, không trái pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Ông Trần Văn H không thực hiện nên bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn H phải trả lại số tiền 360.000.000đ (*ba trăm sáu mươi triệu đồng*). Tình tiết này ông H không phản đối. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, tình tiết này được chấp nhận không phải chứng minh.

Về lãi chậm trả: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi chậm trả tính từ ngày 15/11/2016 đến ngày 24/10/2017 là 38.880.000 đồng. Xét thấy đây là hợp đồng vay có kỳ hạn nhưng không có lãi, căn cứ theo Điều 305, Khoản 4 Điều 474, Điều 478 bộ Luật dân sự năm 2005; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0% /năm thì lãi suất phải được tính như sau:

Thời gian từ ngày 15/11/2016 đến 24/10/2017 là: 360.000.000 đồng x 0,75% x 11 tháng 09 ngày = 30.510.000 đồng.

**Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn đã xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về lãi suất từ ngày 15/11/2016 đến ngày 24/10/2017 là 30.510.000 đồng. Thay đổi này phù hợp với quy định pháp luật, không làm bất lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.**

[3] Xét ý kiến của bị đơn ông Trần Văn H cho rằng hợp đồng vay tiền giữa ông với bà Nguyễn Thị N ngày 24/10/2016 chỉ để làm tin, là hình thức ông H giữ tài sản bảo đảm để anh L và bà N trả món nợ số tiền 610 triệu đồng cho ông H. Khi nào bà N và anh L trả đủ số nợ trên cho ông H thì ông H sẽ làm thủ tục sang tên trả lại nhà cho anh L.

Theo nội dung thể hiện trong hợp đồng vay tiền thì không có ghi điều kiện gì như lời ông H trình bày. Ông H không có chứng cứ gì chứng minh cho thỏa thuận như ý kiến ông H. Căn cứ lời khai của các bên, lời khai trong quá trình hòa giải, lời khai của người làm chứng và chứng cứ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chư Păh cung cấp đã thể hiện việc anh L, chị Đ đã sang nhượng căn nhà theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 615056 do UBND huyện Chư Păh cấp ngày 08/8/2016 cho ông H để trừ nợ rồi. Anh L, chị Đ không có nhu cầu trả tiền để lấy lại nhà đã bán cho ông H. Khi mua bán hai bên đã tự nguyện thống nhất giá cả theo giá thị trường. Anh L, chị Đ đã giao căn nhà cho ông H từ tháng 10/2016. Hiện nay căn nhà đó ông H đã sang nhượng lại cho ông Huỳnh Ngọc B và bà Lê Thị Ph L. Như vậy việc mua bán nhà và giá cả giữa anh L, chị Đ với ông H là đúng pháp luật, hoàn toàn tự nguyện thể hiện ý chí của các bên không bị lừa dối, ép buộc. Hợp đồng vay tiền giữa anh L với ông H đã được hai bên chấm dứt bằng thỏa thuận bán căn nhà của anh L cho ông H, phù hợp với quy định pháp luật, đúng thực tế. Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của ông H.

[4] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu nguyên đơn bà Nguyễn Thị N phải trả lại cho ông H số tiền 20.000.000 đồng mà bà N đã vay của ông H trước đó, ông H không tính lãi. Bà N chấp nhận trả cho ông H không có ý kiến gì nên yêu

cầu phản tố này được chấp nhận, buộc bà Nguyễn Thị N phải trả lại cho ông Trần Văn H số tiền 20.000.000 đồng.

Từ những cơ sở nêu trên kết luận ông Trần Văn H có vay của bà Nguyễn Thị N số tiền 360.000.000đ (*ba trăm sáu mươi triệu đồng*) và lãi chậm trả tính từ ngày **15/11/2016 đến ngày 24/10/2017 là 30.510.000 đồng** (*ba mươi triệu năm trăm mười ngàn đồng*), **tổng cộng 390.510.000 đồng** là có cơ sở nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Trần Văn H phải trả lại số tiền **390.510.000 đồng** (*ba trăm chín mươi triệu năm trăm mười ngàn đồng*) cho Bà Nguyễn Thị N.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn H buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông Trần Văn H số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*)

Không chấp nhận ý kiến của bị đơn yêu cầu anh L chị Đ trả lại số tiền 590.000.000 đồng và ông H trả lại nhà đất cho anh L, chị Đ.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Trần Văn H phải chịu án phí của số tiền **390.510.000 đồng** ( $390.510.000đ \times 5\% = 19.525.500đ$ ). **Yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí của số tiền 20.000.000 đồng** ( $20.000.000đ \times 5\% = 1.000.000đ$ ) theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.**

**Áp dụng các Điều 305, Điều 474, Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;**

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị N;

Buộc ông Trần Văn H phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 360.000.000đ (*ba trăm sáu mươi triệu đồng*) tiền gốc và số tiền 30.510.000 **đồng** (*ba mươi triệu năm trăm mười ngàn đồng*) tiền lãi. Tổng cộng là: **390.510.000 đồng** (*ba trăm chín mươi triệu năm trăm mười ngàn đồng*).

Xử: Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn H;

Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông Trần Văn H số tiền **20.000.000 đồng** (*hai mươi triệu đồng*)

*Kể từ ngày các bên có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành.*

**Căn cứ các Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.**

Ông Trần Văn H phải chịu 19.525.500 đ (*mười chín triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại bà Nguyễn Thị N 9.000.000 đ (*chín triệu đồng*) tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0002527 ngày 13/6/2017 và 972.000 đồng tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0002352 ngày 26/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, nhưng bảo lưu để bảo đảm thi hành án.

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 1.000.000 đ (một triệu *đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Trần Văn H 500.000 đ (*năm trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0002582 ngày 06/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, nhưng bảo lưu để bảo đảm thi hành án.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (30/5/2018), nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo lên tòa án tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện ChưPăh;
- Thi hành án DS Chư Păh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

**Nguyễn Văn Bảo**

Thời gian từ ngày 15/11/2016 đến 30/12/2016: 360.000.000 đồng x 0,75% x 1,5 tháng = 4.050.000 đồng.

Thời gian từ ngày 01/01/2017 đến 24/10/2017: 360.000.000 đồng x 0,83% x 10 tháng = 29.880.000 đồng.

**Tổng cộng : 33.930.000 đồng.** *Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn đã xin rút yêu cầu khởi kiện về lãi suất từ **38.880.000 đồng xuống còn 33.930.000 đồng** phù hợp với quy định pháp luật, không làm bất lợi cho bị đơn nên được chấp nhận*

